

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 29-3-2024  
V/v: “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

### TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Lạc

Bà Lê Thị Linh Phượng.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 144/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Tạ Văn B, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Ấp S, xã V, huyện V, tỉnh Long An. Có mặt

**Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Xóm B, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Xin vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Tạ Văn B trình bày:

Trước đây, ông B đã có vợ nhưng đã ly hôn. Đến năm 1995 ông B quen biết bà M, tìm hiểu nhau một thời gian thì làm lễ tuyên bố ra mắt gia đình hai bên chứ không tổ chức đám cưới, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 15/5/1995. Lúc đó bà M công tác ở Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T còn ông B lên V làm ruộng. Ông B đi về giữa T và V thường xuyên. Đến năm 2019, bà M nghỉ hưu và về quê ở Xóm B, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình sinh sống cho đến nay. Quá trình

chung sống, ông B và bà M không có con chung. Về tài sản chung, có căn nhà ở T nhưng trước khi bà M về quê sinh sống thì hai người đã tự thỏa thuận bán nhà chia tài sản chung xong. Riêng phần đất ruộng ở ấp S, xã V, huyện V là do ông B tự khai phá vào năm 1990, trước khi kết hôn với bà M là tài sản riêng của ông B, bà M cũng đã thống nhất như vậy. Nhưng do đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng trong thời kỳ hôn nhân nên ông B yêu cầu Tòa án xác định đây là tài sản riêng của ông.

Hiện tại, ông B và bà M tuy không có mâu thuẫn gì nhưng không còn tình cảm với nhau nữa và mỗi người sống mỗi nơi, không thể quan tâm chăm sóc nhau được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà M. Về con chung: Không có. Về tài sản chung: Không có. Về tài sản riêng, ông B yêu cầu Tòa án xác định diện tích đất 16.817m<sup>2</sup>, thửa 250, tờ bản đồ số 4, loại đất trồng lúa nước tọa lạc tại ấp S, xã V, huyện V, tỉnh Long An được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 588372 ngày 09/12/2016 cho ông B là tài sản riêng của ông B (đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Tạ Văn B đang quản lý).

Bị đơn bà Nguyễn Thị M có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và có thể hiện ý kiến tại bản tự khai như sau:

Vào năm 1995, bà M và ông Tạ Văn B1 quen biết một thời gian, sau đó tiến tới hôn nhân. Đến ngày 15/5/1995, hai người đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Sau khi kết hôn, bà M công tác ở thị trấn T, còn ông B làm ruộng tại xã V, huyện V, thường xuyên đi về, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2019, bà M nghỉ hưu và trở về quê ở Xóm B, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình sinh sống cho đến nay và mỗi người sống một nơi, tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên bà và ông B thống nhất ly hôn. Quá trình chung sống, bà M và ông B không có con chung và tài sản chung.

Đối với diện tích đất nông nghiệp 16.817m<sup>2</sup>, thửa 250, tờ bản đồ số 4, loại đất chuyên trồng lúa nước, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CE 588372 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp cho ông Tạ Văn B ngày 09/12/2016, tọa lạc ấp S, xã V, huyện V, tỉnh Long An là tài sản riêng của ông B, có trước khi kết hôn với bà nên bà không yêu cầu đối với diện tích đất này, đây là tài sản riêng của ông Tạ Văn B. Trước đó, giữa ông B và bà M cũng đã thống nhất với nhau việc ly hôn và việc xác định thửa đất ruộng nói trên là tài sản riêng của ông B. Tuy nhiên, do hiện nay bà M bị bệnh, đi lại khó khăn và khoảng cách địa lý quá xa nên không đi vào tham dự các buổi làm việc của Tòa án V được.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:* Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn và bị đơn đều chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Ông B và bà M xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An vào ngày

15/5/1995 nên xác định là hôn nhân hợp pháp, sẽ được giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình. Kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện cho ông B và bà M hàn gắn tình cảm vợ chồng, tuy nhiên ông B vẫn kiên quyết ly hôn và bà M cũng đồng ý ly hôn, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Tạ Văn B; Các đương sự cũng thống nhất việc không có con chung và không có tài sản chung, thống nhất không có nợ chung và thống nhất việc xác định diện tích 16.817m<sup>2</sup>, thửa 250, tờ bản đồ số 4, loại đất chuyên trồng lúa nước được Ủy ban nhân dân huyện V cấp cho ông Tạ Văn B đứng tên ngày 09/12/2016, tọa lạc ấp S, xã V, huyện V, tỉnh Long An là tài sản riêng của ông B. Nhận thấy việc các đương sự trình bày là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 28, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Tạ Văn B.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại Xóm B, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình nhưng có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng là nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết vụ án, nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

#### **[2] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Tạ Văn B và bà Nguyễn Thị M xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 15/5/1995 nên đây là hôn nhân hợp pháp, ông B yêu cầu ly hôn với bà M sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Cả ông B và bà M đều trình bày là hai người tuy không có mâu thuẫn nhưng hiện tại sống xa nhau, không có điều kiện quan tâm chăm sóc nhau được và tình cảm vợ chồng cũng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho hai người được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tuy giữa ông B và bà M không xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, tuy nhiên mỗi người sống mỗi nơi không quan tâm chăm sóc nhau được dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không còn duy trì, căn cứ quy định tại các điều 19, 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Tạ Văn B.

[3] Về con chung: Các đương sự xác định không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có tài sản chung và không có nợ chung, tại thời điểm giải quyết ly hôn cũng không có ai tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản riêng: Ông B và bà M đều thống nhất diện tích 16.817m<sup>2</sup>, thửa 250, tờ bản đồ số 4, loại đất chuyên trồng lúa nước đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CE 588372 cho ông Tạ Văn B đứng tên ngày 09/12/2016, đất tọa lạc ấp S, xã V, huyện V, tỉnh Long An là tài sản riêng của ông Tạ Văn B, có trước khi ông B kết hôn với bà M, và sự trình bày của các đương sự cũng phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nên có cơ sở để chấp nhận diện tích đất này là tài sản riêng của ông Tạ Văn B.

[6] Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí tố tụng là 1.000.000 đồng, ông Tạ Văn B đồng ý chịu và ông B đã nộp đủ.

[7] Về án phí: Ông Tạ Văn B thuộc đối tượng người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên Hội đồng xét xử thống nhất miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Tạ Văn B theo quy định.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 19, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào các điều 12, 14, 15 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Tạ Văn B.

Về hôn nhân: Ông Tạ Văn B được ly hôn với ông Nguyễn Thị M.

2. Xác định diện tích đất 16.817m<sup>2</sup>, thuộc thửa 250, tờ bản đồ số 4, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp S, xã V, huyện V, tỉnh Long An đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CE 588372 cho ông Tạ Văn B đứng tên ngày 09/12/2016 là tài sản riêng của ông Tạ Văn B.

Ông Tạ Văn B có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cập nhật, điều chỉnh, chỉnh lý biến động đất đai theo nội dung nêu trên của Bản án.

3. Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí tố tụng là 1.000.000 đồng, ông Tạ Văn B đồng ý chịu và ông B đã nộp đủ.

4. Về án phí: Ông Tạ Văn B thuộc đối tượng người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn tiền án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

***Nơi nhận:***

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, CC. THADS H. Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- UBND TT T, H. Tr, T. Long An;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Yến Linh**